

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HSST

Ngày: 02/3/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Khánh Hội;

2. Ông Trịnh Xuân Tính.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:***

Ông Nguyễn Duy Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60 /2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lê Đỗ V**, sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: **6/12**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Đỗ B và bà Lê Thị H; Vợ là Nguyễn Thị N, Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án: Không; Tiền sự: Tháng 09/2019, bị Công an phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/11/2019, tạm giam từ ngày 27/11/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:***

- Anh Nguyễn Văn D, Sinh năm: 2001 ( Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Hà Duyên A, Sinh năm: 2000 ( Vắng mặt)

Nơi cư trú: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

***Người có quyền lợi liên quan:***

Anh Trần Văn B2, Sinh năm: 1982 ( Vắng mặt)

Địa chỉ: L, phường Đ, thành phố T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 ngày 15/10/2019, V đi bộ từ nhà đến Đ, phường Đ, thành phố T với mục đích tìm các hộ gia đình sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến khu nhà trọ tại địa chỉ Đ, phường Đ, thành phố T thấy không có ai ở nhà, tại phòng trọ thứ 3 khóa cửa, bên trong có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh – đen – bạc, BKS: 36D1-134.93 đang cắm sẵn chìa khóa trong ổ khóa của anh Hà Duyên A, sinh năm 2000 ở xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, bên trong cốp xe có 550.000đ. V dùng tay gạt làm bung khóa cửa, đi vào phòng dắt xe ra ngoài rồi mở khóa điện, điều khiển xe đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Trần Văn B2, ở L, phường Đ, thành phố T để bán nhưng do V không có CMND nên anh B2 không mua. Sau đó V gặp Phạm Hoài Đ, ở phường Q, thành phố T và nhờ Đ đi cùng đến cửa hàng của anh B2 để bán hộ chiếc xe. Đ đồng ý đi cùng V đến quán mua bán xe, tại đây V thương lượng với anh B2 về giấy tờ mua bán và giá, hai bên thống nhất giá bán xe là 8.000.000đ. Sau đó V gọi Đ vào viết giấy tờ mua bán xe với anh B2. Sau khi bán xe, Đ cầm tiền đưa cho V, V cho Đ 2.000.000đ. Số tiền còn lại và 550.000đ lấy được từ trong cốp xe máy V đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 296/KL-HĐ ĐGTS ngày 17/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của UBND thành phố Thanh Hóa kết luận: chiếc xe Wave Alpha BKS: 36D1-134.93 trị giá: 8.250.000đ.

- Khoảng 07giờ 00’ ngày 22/10/2019, V đi bộ từ làng Đ, phường Đ đến đường Đ, thành phố Thanh Hóa để trộm cắp tài sản. Khi đến số Đ, V đi vào bên trong phát hiện thấy ở ngoài sân phía cuối dãy trọ có chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Nagaki màu xanh, BKS: 36FC-4007 của anh Nguyễn Văn D, sinh năm 2001 ở thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa không có ai trông coi nên V dùng con dao loại dao thái, cán gỗ, dài 35cm, lưỡi rộng 10cm có sẵn tại sân cây mận nạ xe ra rồi đấu dây nguồn điện, dắt xe ra ngoài đạp nổ máy và điều khiển chiếc xe đi về quán game ở đường Đ, phường Đ, thành phố T. Tại đây V gặp Phạm Hoài Đ và nhờ Đ đem xe đi sửa hộ V để lấy phương tiện đi lại. Đ đồng ý, sau khi được cơ quan điều tra thông báo Đ đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe máy.

Tại Kết luận định giá tài sản số 309/KL-HĐ ĐGTS ngày 29/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của UBND thành phố Thanh Hóa kết luận: chiếc xe nhãn hiệu Wave Nagaki màu xanh, BKS: 36FC-4007 trị giá: 3.420.000đ.

Đối với Phạm Hoài Đ có hành vi cho dùng CMTND giúp V trong việc bán chiếc xe Wave Alpha BKS: 36D1-134.93, được hưởng lợi từ việc này và tiếp tục nhận chiếc Wave Nagaki, BKS: 36FC-4007 để sửa chữa giúp V, tuy nhiên Đ

không hề biết những chiếc xe này là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với anh Trần Văn B2 là người mua lại chiếc xe Wave Alpha BKS: 36D1-134.93 do không biết chiếc xe này là tài sản phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với số tiền 2.000.000đ mà Đ đã tự nguyện giao nộp và con dao V sử dụng để cạy mặt nạ xe máy Wave Nagaki

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn D đã nhận lại chiếc xe, không có yêu cầu gì thêm. Anh Hà Duyên A đã nhận lại chiếc xe, anh A yêu cầu V phải trả lại số tiền 550.000đ mà V đã lấy trong cốp xe. Anh Trần Văn B2 đề nghị V bồi thường lại số tiền 8.000.000đ mà anh B2 đã mua xe của V.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Lê Đỗ V về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015. Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38 BLHS ; đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 550.000đ cho anh An, trả lại số tiền đã bán xe máy cho anh B2; chịu án phí HSST và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân : Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, một lần nữa bị cáo Lê Đỗ V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với báo cáo của bị hại và các chứng cứ khác phản ánh tại hồ sơ. Có đủ căn cứ xác định vào các ngày 15/10/2019 và 22/10/2019, do có chủ định trộm cắp tài sản từ trước, bị cáo đi bộ lang thang trên một số khu vực ở thành phố

Thanh Hóa; lợi dụng sơ hở của các chủ tài sản, bị cáo đã trộm cắp được 02 chiếc xe máy của anh Nguyễn Văn D và anh Hà Duyên A. Trị giá 02 chiếc xe máy theo định giá là 11.670.000 đồng và số tiền 550.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 12.220.000 đồng. Với hành vi trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, do vậy cần xử lý nghiêm.

[4]. Xét nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Do không có việc làm, bản thân lại nghiện ma túy, muốn có tiền để tiêu sài và sử dụng ma túy nên trong thời gian từ ngày 15/10/2019 đến ngày 22/10/2019, Lê Đỗ V đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của người khác; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Trước đó, vào ngày 19/9/2019 bị cáo đã từng bị Công an phường Đông Thọ xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo vẫn không chịu sửa chữa, thể hiện sự xem thường pháp luật. Với nhân thân và mức độ phạm tội của bị cáo cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe máy bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Văn D, anh D đã nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu gì thêm, do vậy công nhận anh D đã nhận đủ tài sản bị trộm cắp.

- Đối với tài sản bị cáo trộm cắp của anh Hà Duyên A: Chiếc xe máy đã được trả lại cho anh An. Riêng số tiền 550.000 đồng anh An để trong cốp xe, bị cáo đã tiêu hết, do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho anh An số tiền này.

- Đối với số tiền bị cáo bán chiếc xe máy trộm cắp của anh Hà Duyên A cho anh Trần Văn B2, anh B2 không biết chiếc xe do bị cáo trộm cắp nên đã mua; chiếc xe đã bị thu hồi trả lại cho người bị hại. Hiện tại Phạm Hoài Đ (là người bị cáo nhờ bán hộ xe máy trộm cắp và được bị cáo cho 2.000.000 đồng) đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra 2.000.000 đồng, số tiền này sẽ được trả lại cho anh B2; số tiền còn lại là 6.000.000 đồng buộc bị cáo phải trả cho anh B2.

[6]. Về vật chứng: Con dao bị cáo dùng vào việc cạy mặt nạ xe máy khi trộm cắp là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên tịch thu tiêu hủy

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 48 BLHS. Điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 584, 589; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điểm a; d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

**Tuyên bố:** Bị cáo Lê Đỗ V phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

**Xử phạt:** Bị cáo Lê Đỗ V 18 ( Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 24/11/2019.

\* *Về trách nhiệm dân sự:*

- Công nhận anh Nguyễn Văn D đã nhận đủ tài sản bị trộm cắp.
- Buộc bị cáo bồi thường cho anh Hà Duyên A 550.000 đồng.
- Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần Văn B2 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực, anh Hà Duyên A, anh Trần Văn B2 có yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án có quyết định thi hành mà bị cáo chậm thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền phải thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 476 BLDS.

*Về vật chứng:*

- Trả cho anh Trần Văn B2 2.000.000 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy con dao sắt cũ gỉ, cán dao bằng gỗ

*(Số tiền 2.000.000 đồng và con dao đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận số.89 ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa)*

\* *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 327.500 đồng án phí dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt